

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 8 - 2021.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh và bà Dương Thị Kim Hồng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*
Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **P X T** - sinh năm 1988; Địa chỉ: Xóm 1, thôn CL, xã TV, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

- Người được anh T ủy quyền giao nhận văn bản: Ông **P X L** (*là bố đẻ anh T*), sinh năm 1952; địa chỉ: Xóm 1, thôn CL, xã TV, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị **Đ T Q** - sinh năm 1990; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm 1, thôn CL, xã TV, huyện TH, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

- Người liên quan: Ông **Đ V Đ** (*là bố đẻ chị Q*), sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn ĐH, xã NP, tp NB, tỉnh Ninh Bình.

Anh T, chị Q, ông L và ông Đ đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh T trình bày:*
Anh và chị Q kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TV, huyện TH, tỉnh Hải Dương vào ngày 03/01/2012 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn, vợ chồng tổ chức cuộc sống chung tại gia đình anh vui vẻ hòa thuận, không có mâu thuẫn gì. Tháng 11/2014, anh đi lao động tại Đài Loan, chị Q ở nhà chăm con nhỏ, hai bên vẫn thường xuyên liên lạc, gọi điện chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống. Đầu năm 2015, chị Q cũng đi lao động tại Đài Loan nhưng không ở cùng nhau do nơi làm việc cách xa nhau, thỉnh thoảng gặp nhau vào ngày cuối tuần. Vợ chồng bắt đầu phát sinh vào năm 2016, do anh nghi ngờ chị Q không chung

thủy, dẫn đến cãi chửi nhau, không còn tin tưởng nhau. Cuối năm 2019 cả hai đều về nước sinh sống, chị Q vẫn nhắn tin với người đàn ông khác nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn. Tháng 02/2020, chị Q tiếp tục đi sang Đài Loan lao động, từ đó vợ chồng không còn liên lạc và quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Q để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là P N H, sinh ngày 12/3/2014. Anh có nguyện vọng xin được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Thông qua gia đình, chị Q cũng có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung, anh hoàn toàn nhất trí để chị Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị Q tại Đài Loan. Sau khi làm đơn ly hôn, do công việc anh không thể có mặt tại Tòa án để tham gia trong quá trình giải quyết vụ án nên anh đã có đơn xin xử vắng mặt và ủy quyền cho ông P X L là bố đẻ thay mặt anh giao nhận tài liệu với Tòa án.

- Ông P X L (là bố đẻ anh T) trình bày: Ông là bố đẻ của anh T, ông đồng ý nhận ủy quyền của anh T để thay mặt giao, nhận toàn bộ văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và cam kết thông báo cho anh T biết nội dung đầy đủ. Ông xác định, vợ chồng anh T chị Q sau khi kết hôn chung sống tại gia đình ông một thời gian, sau đó cả hai đều đi lao động tại Đài Loan cho đến cuối năm 2019 về nước tiếp tục sống tại gia đình ông, khi đó vợ chồng đã có mâu thuẫn từ trước nên tình cảm lạnh nhạt, ông đã tham gia khuyên bảo vợ chồng. Đầu năm 2020 chị Q tiếp tục đi lao động tại Đài Loan nên anh chị ấy không khắc phục được mâu thuẫn, không liên lạc, không quan tâm hỏi thăm nhau, kinh tế hoàn toàn độc lập. Nay anh T xin ly hôn, chị Q cũng nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung, chị Q có quan điểm xin được nuôi dưỡng cháu H sau khi ly hôn vì chị Q sắp hết hợp đồng lao động về nước nên có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T cũng đồng ý giao con cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản.

- Ông Đ V Đ (là bố đẻ chị Q) trình bày: Chị Q và anh T tự do quen biết, tìm hiểu nhau, tự nguyện đăng ký kết hôn ở xã Tân Việt, huyện Thanh H, tỉnh Hải Dương vào năm 2012. Hai bên gia đình đã tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị Q về gia đình anh T sinh sống và tổ chức cuộc sống hòa thuận, có 01 con chung với nhau năm 2014. Sau đó chị Q anh T cùng sang Đài Loan lao động, để con ở nhà nhờ ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Cuối năm 2019, cả hai anh chị đều về nước và sinh sống tại gia đình anh T, sau đó đầu năm 2020 chị Q tiếp tục đi lao động tại Đài Loan đến nay chưa về Việt Nam, tuy nhiên chị Q vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại về cho gia đình ông. Nay anh T làm đơn ly hôn chị Q là quyết định của anh chị ấy, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật. Sau khi ông nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, ông đã thông báo qua điện thoại cho chị Q biết về việc anh T làm đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Qua

trao đổi chị Q không cho ông biết địa chỉ cụ thể ở Đài Loan nên ông không thể cung cấp địa chỉ hiện nay của chị Q cho Tòa án được, chị Q cũng không gửi ý kiến bằng văn bản về cho Tòa án nhưng có quan điểm xác định mẫu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, không muốn duy trì cuộc sống chung với anh T nên nhất trí ly hôn; Về con chung chị Q có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu H, tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung và nhờ gia đình ông chăm sóc cháu H, ông hoàn toàn nhất trí thay mặt chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H cho đến khi chị Q về nước; Về tài sản chung vợ chồng: chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại công văn số 9615/QLXNC-P5 ngày 20/4/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định chị Đ T Q, sinh ngày 20/5/1990, tại N B, căn cước công dân số 037190002476, khai địa chỉ tại xã TV, huyện TH, tỉnh Hải Dương; có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 10/2/2020 qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh P X T được ly hôn chị Đ T Q; Về con chung: Xử giao chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung P N H, sinh ngày 12/3/2014 cho đến khi con trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu H cho ông Đ V Đ trông nom, chăm sóc cho đến khi chị Q về nước trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là anh P X T, người được anh T ủy quyền giao nhận văn bản là ông L và người liên quan là ông Đ đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, ông L và ông Đ.

Chị Đ T Q là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ cụ thể, tuy nhiên chị Q vẫn thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã yêu cầu anh T cũng như ông Đ V Đ (là bố đẻ chị Q) cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Q nhưng không cung cấp được nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị Q vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Q tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TV, huyện TH, tỉnh Hải Dương vào ngày 03/01/2012. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị tổ chức cuộc sống chung tại gia đình anh T vui vẻ hòa thuận và có 01 con chung. Cuối năm 2014 anh T đi lao động tại Đài Loan, còn chị Q ở nhà chăm sóc con nhỏ cho đến đầu năm 2015 cũng đi sang Đài Loan lao động, tuy nhiên anh chị không chung sống cùng nhau do mỗi người làm việc một nơi, xa cách nhau, thỉnh thoảng gọi điện thoại và gặp nhau vào ngày nghỉ cuối tuần. Anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 do anh T nghi ngờ chị Q sống không chung thủy, dẫn đến cãi chửi nhau và không còn tin tưởng nhau. Đến năm 2019, cả hai anh chị đều về nước và chung sống tại gia đình anh T một thời gian, do đã có mâu thuẫn từ trước nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không muốn duy trì cuộc sống chung. Đầu năm 2020 chị Q tiếp tục đi lao động tại Đài Loan, từ đó vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Q. Thông qua gia đình, chị Q cũng xác định mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho anh T được ly hôn chị Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là P N H, sinh ngày 12/3/2014, hiện đang ở với ông bà ngoại. Chị Q hiện đang lao động ở nước ngoài nhưng sắp hết hợp đồng về nước nên chị Q có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Do chị chưa về Việt Nam nên chị nhờ bố đẻ là ông Đ V Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi chị về trực tiếp nuôi con; ông Đ nhất trí chăm sóc cháu H cho đến khi chị Q về nước trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Q thanh toán phí chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Quan điểm của anh T cũng nhất trí để chị Q được nuôi con chung và cháu H cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét hai bên thống nhất được với nhau về việc nuôi dưỡng con chung đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của con, cần giao chị Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung P N H cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị Q hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, tạm giao cháu H cho ông Đ V Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị Q về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Anh T, chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh P X T được ly hôn chị Đ T Q.
2. Về con chung: Giao chị Đ T Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung P N H, sinh ngày 12/3/2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu H cho ông Đ V Đ (bố đẻ chị Q) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị Q về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng.
- Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Anh P X T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2018/0005824 ngày 02/4/2021. Anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.
5. Về quyền kháng cáo: Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị Q đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã TV, huyện TH, Hải Dương
(để nghị vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạc Minh Quang